

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 550/2025/DS-ST
Ngày: 16/12/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 569/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1984, địa chỉ: Số H, đường số D, đường C, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị T:

Chị Vương Kim N, sinh năm 1997, địa chỉ: khu phố 18, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh

Anh Tạ Trọng N1, sinh năm 1998, địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản uỷ quyền đề ngày 09/9/2025 (chị N, anh N1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Như Ý, sinh năm: 1984, địa chỉ: Số G, tổ G, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – chị Vương Kim N trình

bày:

Chị T và chị Ý là có quan hệ quen biết do gần nhà nhau. Vào khoảng tháng 01/2025 chị T có cho chị Huỳnh Thị Như Ý vay tổng số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng có hợp đồng vay tiền công chứng xác thực ngày 20/01/2025 tại văn phòng C (có kèm theo bản photo, bản chính), mục đích dùng để xử lý việc gia đình. Các lần vay tiền của bà Ý như sau:

Ngày 20/01/2025 dương lịch vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng thời hạn trả 20/07/2025 (06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay tiền), mục đích dùng để xử lý việc học cho con.

Cùng ngày 20/01/2025 dương lịch chị Ý có mượn thêm 10.000.000 (mười triệu) đồng) thời hạn trả 20/04/2025 (03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay tiền), mục đích dùng để xử lý việc gia đình.

Vài ngày sau chị Ý có đến gặp chị T và vay mượn thêm 5.000.000 (năm triệu) đồng mục đích để xử lý công việc gấp. Do có sự quen biết và gần nhà nên khoản vay 5.000.000 (năm triệu đồng) này không ghi giấy mượn tiền viết tay. Chị Ý hứa hẹn sau 3 ngày sẽ hoàn trả lại số tiền 5.000.000 (năm triệu đồng). Nhưng đến nay chị Ý không trả tiền như lời đã hứa trong giấy vay tiền cho chị T.

Nay chị T Yêu cầu chị Huỳnh Thị Như Ý phải trả lại số tiền vay cho chị T là số tiền vay gốc 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 21/7/2025 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án; số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 21/4/2025 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử xong vụ án.

Chị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay gốc 5.000.000 đồng vì lý do chị T chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu này.

Chị T không có yêu cầu khởi kiện bổ sung nào khác trong vụ án này.

Về án phí, chi phí tố tụng chị T đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Ngoài ra chị T không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Tạ Trọng N1 vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Huỳnh Thị Như Ý trình bày:

Chị và chị T là bạn cùng xóm, học chung và có quan hệ quen biết từ khi còn nhỏ.

Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu chị trả số tiền vay gốc 65.000.000 đồng. Chị chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền vay gốc 60.000.000 đồng theo như hợp đồng vay có công chứng. Chị xin không trả lãi lý do

khi vay chị và chị T thoả thuận là các khoản vay không có lãi suất. Chị xin không trả lãi chậm trả lý do là hiện nay chị đang đi làm công nhân lương thấp, còn phải nuôi 03 con nên không có khả năng để trả lãi.

Chị Ý không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Về án phí, chi phí tố tụng chị Ý đề nghị Toà án xem xét theo quy định của pháp luật. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40, Điều 68, Điều 93 đến 97, Điều 195, 196, 203, 206, Điều 208 đến 210, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc chị Ý có trách nhiệm trả cho chị T số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng; lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau:

+ Số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, lãi suất kể từ ngày 21/7/2025 dương lịch cho đến ngày xét xử.

+ Số tiền vay gốc 10.000.000 đồng, lãi suất kể từ ngày 21/4/2025 dương lịch cho đến ngày xét xử.

- Đình chỉ yêu cầu của chị T về việc trả số tiền vay 5.000.000 đồng.

- Chị Ý phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Như Ý có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh; nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh T về việc yêu cầu chị Ý trả số tiền vay gốc 60.000.000 đồng thấy rằng:

Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 02 Hợp đồng vay tiền đề ngày 20/01/2025 dương lịch (bản chính) do nguyên đơn cung cấp thấy rằng nội dung trong một hợp đồng vay tiền thể hiện chị Ý vay của chị T số tiền 50.000.000 đồng và một hợp đồng thể hiện vay 10.000.000 đồng. 02 bản Hợp đồng được công chứng viên Phạm Xuân S công chứng cùng ngày 20/01/2025. Bị đơn thừa nhận chữ ký, ghi họ tên “Huỳnh Thị Như Ý” trong 02 hợp đồng vay tiền là của chị Ý. Chị Ý có vay của chị T số tiền 60.000.000 đồng, nhằm mục đích chi tiêu trong gia đình. Chị Ý đồng ý trả cho chị T số tiền vay gốc 60.000.000 đồng. Như vậy đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định của Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ những chứng cứ trên xét thấy giao dịch vay tiền giữa chị Ý và chị T về số tiền vay gốc 60.000.000 đồng là có thật. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc 60.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền vay gốc 60.000.000 đồng, tính từ ngày hết hạn hợp đồng cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ thấy rằng:

Trong hợp đồng vay tiền đề ngày 20/01/2025 dương lịch nội dung chị Ý vay chị T số tiền 50.000.000 đồng và hợp đồng vay đề ngày 20/01/2025 dương lịch nội dung chị Ý vay chị T số tiền 10.000.000 đồng, cả hai hợp đồng không thể hiện nội dung hai bên thoả thuận về lãi suất, mức lãi suất; hai bên có thoả thuận thời hạn trả là 03 tháng và 06 tháng kể từ ngày công chứng hợp đồng. Nguyên đơn khai các khoản vay này không có lãi và có thời hạn. Bị đơn cho rằng đã trả lãi suất cho chị T với mức lãi suất cao trong một thời gian dài. Tuy nhiên không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc trả lãi của chị Ý. Không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị Ý về nội dung trên. Lời trình bày của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do vậy đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi suất.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất tính từ ngày tiếp theo ngày hết hạn trong hợp đồng cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 357, 468 của bộ luật Dân sự.

Như vậy lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 10%/năm/số tiền vay gốc 10.000.000 đồng, mỗi tháng là 83.333 đồng, tính từ ngày tiếp theo hết thời hạn vay 21/4/2025 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 16/12/2025 là 7 tháng 25 ngày, số tiền lãi chị T được hưởng là: 83.333 đồng x 7 tháng 25 ngày = 652.775 đồng.

Lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 10%/năm/số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, mỗi tháng là 416.667 đồng, tính từ ngày tiếp theo hết thời hạn vay 21/7/2025 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm 16/12/2025 là 4 tháng 25 ngày, số tiền lãi chị T được hưởng là: 416.667 đồng x 4 tháng 25 ngày = 2.013.889 đồng.

Như vậy tổng cộng gốc, lãi chị T được hưởng là: 60.000.000 đồng + 652.775 đồng + 2.013.889 đồng = 62.666.664 đồng.

Chị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay gốc 5.000.000 đồng, xét việc rút đơn của chị T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với số tiền vay gốc 5.000.000 đồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án đã nộp.

Chị Ý phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh T đối với chị Huỳnh Thị Như Ý về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Chị Huỳnh Thị Như Ý có nghĩa vụ trả cho chị Đoàn Thị Thanh T số tiền 62.666.664 đồng (sáu mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn) đồng (trong đó có 60.000.000 đồng tiền vay gốc và 2.666.664 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Như Ý phải chịu 3.133.333 (ba triệu một trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đoàn Thị Thanh T không phải chịu án phí, Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.625.000 (một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0005445 ngày 03/10/2025.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH khu vực 10;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân